

ĐỀ ÁN

Về phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng
lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

1. Căn cứ xây dựng Đề án

- Căn cứ Điều lệ Đảng; Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 06-HD/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Căn cứ Hướng dẫn số 08-HD/UBKTTW, ngày 18/11/2024 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát phục vụ đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

2. Về số lượng đại biểu

Căn cứ mục 4, phần II Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng quy định số lượng đại biểu đối với địa phương sáp nhập từ 03 tỉnh, thành phố (không quá 500 đại biểu) và số lượng đảng viên, số lượng tổ chức đảng trực thuộc, vị trí quan trọng của từng tổ chức đảng theo Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, nhiệm kỳ 2020 - 2025 quyết định số lượng đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 là **500 đồng chí**, cụ thể:

2.1. Đại biểu đương nhiên: **94** đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025¹.

2.2. Đại biểu được chỉ định: **406** đồng chí thuộc 128 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (gồm: 124 đảng bộ xã, phường, đặc khu và 04 Đảng bộ: Các cơ quan Đảng tỉnh, UBND tỉnh, Công an tỉnh, Quân sự tỉnh).

¹ Hiện tại, tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 -2025 là **95** đồng chí (là đại biểu đương nhiên của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 -2030), tuy nhiên, đồng chí Bồ Thị Xuân Linh, Ủy viên BTVTU, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi, dự kiến sẽ nghỉ trước Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 -2030. Do đó điều chỉnh trong Đề án còn **94** đại biểu đương nhiên.

3. Quan điểm, nguyên tắc phân bổ đại biểu

3.1. Việc phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh phải bảo đảm theo quy định của Điều lệ Đảng, Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Trung ương về tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp và căn cứ yêu cầu của tình hình mới; bảo đảm dân chủ, khách quan, khoa học, đúng nguyên tắc, theo định hướng của Trung ương.

3.2. Đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực công tác, có uy tín và khả năng đóng góp vào sự thành công của Đại hội.

3.3. Đại biểu được phân bổ bảo đảm cơ cấu, cân đối, hài hòa, không chênh lệch quá lớn giữa các đảng bộ. Đoàn đại biểu các đảng bộ trực thuộc phải có đại biểu nữ, trẻ, dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình, đặc điểm của đảng bộ. Tăng số lượng đại biểu đang công tác ở những địa bàn, lĩnh vực quan trọng, đại biểu ở các cơ quan, đơn vị, địa phương có chức năng tham mưu chiến lược nhằm nâng cao chất lượng thảo luận, phản biện, đóng góp vào các văn kiện của Đại hội.

3.4. Đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 phải là đại biểu chính thức của Đại hội đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

4. Về tiêu chuẩn đại biểu

- Về phẩm chất chính trị: Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và mục tiêu, lý tưởng của Đảng; luôn đặt lợi ích của Đảng, Tổ quốc và Nhân dân lên trên hết, trước hết; chấp hành nghiêm các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Về đạo đức, lối sống: Có phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng; sống trung thực, khiêm tốn, giản dị; nói đi đôi với làm; không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “*lợi ích nhóm*”; giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Về năng lực và uy tín: Có uy tín cao, có trình độ, kiến thức, năng lực, tư duy đổi mới và phương pháp làm việc khoa học; có khả năng phát hiện, đề xuất những vấn đề đặt ra trong thực tiễn và tích cực tham gia đóng góp vào các quyết định của Đại hội. Có điều kiện và khả năng để quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

- Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao theo quy định của Đảng, Nhà nước; có trình độ công nghệ thông

tin, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

- Bảo đảm sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Đại hội.
- Không triệu tập đến dự đại hội những trường hợp quy định tại điểm a, mục 2, phần IV Hướng dẫn số 08-HD/UBKTTW, ngày 18/11/2024 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát phục vụ đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Cụ thể: “*Đại biểu đang trong thời gian chấp hành kỷ luật về Đảng, hành chính, đoàn thể, tính từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực đến ngày khai mạc đại hội chưa quá 01 năm*”.

5. Về cơ cấu đại biểu

Tổng số đại biểu được triệu tập dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được xác định là 500 đại biểu. Trong đó, đại biểu đương nhiên là 94 đại biểu, số lượng đại biểu cần phân bổ cho 128 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy là 406 đại biểu.

Căn cứ vào số lượng đảng viên, số tổ chức cơ sở đảng trực thuộc và vị trí quan trọng của từng tổ chức đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, nhiệm kỳ 2020 - 2025 phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo cơ cấu như sau:

- Bảo đảm tỷ lệ đại biểu nữ (*chiếm từ 20% trở lên*).
- Bảo đảm tỷ lệ đại biểu trẻ (*chiếm từ 10% trở lên*).
- Bảo đảm tỷ lệ đại biểu là người dân tộc thiểu số (*chiếm từ 11% trở lên*).
- Phân đầu trong Đại hội có các đại biểu đảng viên đại diện nhà khoa học, trí thức... để bảo đảm tính toàn diện.

6. Về phân bổ đại biểu

Về nguyên tắc phân bổ đại biểu: Căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng tổ chức đảng trực thuộc và vị trí quan trọng của từng đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, trong đó phải bảo đảm hợp lý thành phần, cơ cấu, giới tính, dân tộc; tăng số lượng đại biểu ở các ngành, lĩnh vực quan trọng (*không tính đại biểu đương nhiên*) để nâng cao chất lượng thảo luận, phản biện, đóng góp ý kiến khi quyết định những chủ trương, chính sách lớn của tỉnh, địa phương tại Đại hội.

Căn cứ nguyên tắc trên, việc phân bổ đại biểu tham dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 với số lượng cụ thể như sau:

6.1. Đại biểu đương nhiên: 94 đồng chí.

6.2. Phân bổ theo các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (128 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy): 406 đồng chí.

a) Cách tính hệ số trung bình phân bổ đại biểu

- Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh (tính đến ngày 18/7/2025): **124.855** đảng viên, trong đó đảng viên chính thức là: **120.526** đảng viên.

- Hệ số phân bổ trung bình là tổng số đại biểu/tổng số đảng viên chính thức với hệ số là **0,003368**. Như vậy, cứ 297 đảng viên chính thức thì Đảng bộ được phân bổ 01 đại biểu.

b) Theo đó, cách tính đại biểu của từng đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở là:

(Tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ cấp trên cơ sở) X (Hệ số phân bổ trung bình là 0,003368) = Số đại biểu được chỉ định đi dự đại hội đảng bộ tỉnh.

Trong 128 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy có 07 đảng bộ số lượng đảng viên dưới tỷ lệ phân bổ (dưới 01 đại biểu) nên **được làm tròn phân bổ 01 đại biểu**; trường hợp đảng bộ có số đảng viên trên 50% số bình quân (**297**) đảng viên được làm tròn thêm 01 đại biểu.

Về cụ thể số lượng đại biểu dự kiến phân bổ cho 128 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và định hướng cơ cấu đại biểu như sau:

+ Có 94 đại biểu đương nhiên (trong đó: Nữ **13** đ/c (tỷ lệ 13,82%), DTTS: **08** đ/c (tỷ lệ 8,51%), Trẻ (dưới 42 tuổi): **02** đ/c (tỷ lệ 2,12%).

+ Có 406 đại biểu được chỉ định phân bổ ((trong đó: Nữ: 90 đ/c (tỷ lệ 22,16%); DTTS: 48 đ/c (tỷ lệ 11,82%); Trẻ (dưới 42 tuổi): 50 đ/c (tỷ lệ 12,31%)).

+ Tổng số 500 đại biểu (đương nhiên và chỉ định phân bổ): ((trong đó: Nữ :103 đ/c (tỷ lệ 20,6%); DTTS: 56 đ/c (tỷ lệ 11,2%); Trẻ (dưới 42 tuổi):52 đ/c (tỷ lệ 10,4%)).

(Có Phụ lục phân bổ chi tiết kèm theo).

7. Về đại biểu dự khuyết

Nhóm các đảng bộ xã, phường, đặc khu, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy có từ **01-04** đại biểu chính thức (ngoài đại biểu đương nhiên) thì được phân bổ **01** đại biểu dự khuyết; Nhóm các đảng bộ xã, phường, đặc khu có từ **5 -10** đại biểu chính thức (ngoài đại biểu đương nhiên) thì được phân bổ **02** đại biểu dự khuyết; nhóm các đảng bộ còn lại: được phân bổ từ **11** đại biểu chính thức trở lên (ngoài đại biểu đương nhiên) thì được phân bổ **03** đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức khi cần thiết.

8. Tổ chức thực hiện

8.1. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo phân bổ số lượng đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 cho các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy theo đúng Đề án. Trên cơ sở đề án nhân sự của các đảng bộ trực thuộc; đồng thời theo dõi, hướng dẫn các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện quy trình, hồ sơ đại biểu dự Đại hội đại biểu

Đảng bộ tỉnh; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo đúng quy định.

8.2. Giao Ban thường vụ các đảng ủy trực thuộc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện việc xây dựng phương án nhân sự Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) chỉ định đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo đúng quy định. Kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) những vấn đề phát sinh để xem xét, chỉ đạo.

8.3. Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu dự đại hội, thẩm định danh sách dự kiến đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, chủ động phát hiện các trường hợp có dấu hiệu vi phạm về tư cách đại biểu hoặc vi phạm về thủ tục, nguyên tắc của Đảng để kịp thời thẩm tra, xem xét, kết luận theo quy định, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Trên đây là Đề án phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động tham mưu, triển khai thực hiện nghiêm túc, hoàn thành các nội dung, bảo đảm thời gian quy định. *rmr*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư,
- Ban Tổ chức Trung ương, | (b/c)
- Vụ Địa phương III, BTCTW,
- Vụ VII- UBKT Trung ương
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Tiểu ban nhân sự Đại hội,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các CQ tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Phòng TCD-ĐV-Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Tổ giúp việc tiểu ban nhân sự,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Y Thanh Hà Niê Kđm

BẢNG PHÂN BỐ ĐẠI BIỂU

tham dự Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

(Kèm theo Đề án số 14-ĐA/TU ngày 12/8/2025 của Tỉnh ủy)

- Đảng bộ cấp trên trực tiếp trực thuộc Tỉnh ủy: 128 đảng bộ, gồm 124.855 đảng viên; trong đó:
- +124 xã, phường, đặc khu: Có 102.542 đảng viên
 - + Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh: Có 22.313 đảng viên
- Số đại biểu được phân bổ cụ thể như sau:

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
1	Đảng bộ xã Quảng Hòa	152	9	143	1		1				1	
2	Đảng bộ xã Phan Sơn	203	16	187	1		1				1	
3	Đảng bộ xã Sơn Điền	244	13	231	1		1				1	
4	Đảng bộ xã Dạ Huoi 3	245	10	235	1		1				1	
5	Đảng bộ xã Tà Năng	275	18	257	1		1				1	
6	Đảng bộ xã La Dạ	280	18	262	1		1				1	
7	Đảng bộ xã Tuy Phong	291	18	273	1		1	1			1	01 Đại biểu Nữ

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
8	Đảng bộ xã Ninh Gia	311	13	298	1		1				1	
9	Đảng bộ xã Quảng Trục	318	0	318	2	1	1		1		1	01 Đại biểu DTTS
10	Đảng bộ xã Đông Giang	319	14	305	1		1				1	
11	Đảng bộ xã Tân Lập	326	17	309	1		1				1	
12	Đảng bộ xã Nam Hà Lâm Hà	338	13	325	1		1				1	
13	Đảng bộ xã Bảo Lâm 5	342	27	315	1		1	1			1	01 Đại biểu Nữ
14	Đảng bộ xã Gia Hiệp	360	23	337	1		1				1	
15	Đảng bộ xã Suối Kiết	382	18	364	1		1				1	
16	Đảng bộ xã Sông Lũy	383	28	355	1		1				1	
17	Đảng bộ xã Đắc Song	386	8	378	1		1				1	
18	Đảng bộ xã Hàm Thạnh	392	29	363	1		1	1			1	01 Đại biểu Nữ
19	Đảng bộ xã Bảo Lâm 4	393	20	373	1		1				1	
20	Đảng bộ xã Hòa Thắng	397	25	372	1		1				1	

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
21	Đảng bộ xã Ka Đô	400	9	391	1		1	1			1	01 Đại biểu Nữ
22	Đảng bộ xã Quảng Sơn	411	0	411	2	1	1	1			1	01 Đại biểu Nữ
23	Đảng bộ xã Đạ Tẻh 3	412	12	400	1		1				1	
24	Đảng bộ xã Đam Rông 1	419	16	403	1		1				1	
25	Đảng bộ xã Sơn Mỹ	420	31	389	1		1				1	
26	Đảng bộ xã Hòa Bắc	423	15	408	1		1				1	
27	Đảng bộ xã Đinh Trang Thượng	426	17	409	1		1				1	
28	Đảng bộ xã Tân Hải	427	29	398	1		1				1	
29	Đảng bộ xã Vĩnh Hảo	436	26	410	1		1				1	
30	Đảng bộ xã Tà Đùng	437	23	414	1		1				1	
31	Đảng bộ xã Đam Rông 3	447	17	430	1		1		1		1	01 Đại biểu DTTS
32	Đảng bộ xã Quảng Phú	455	18	437	1		1				1	
33	Đảng bộ xã Đam Rông 4	468	22	446	2		2		1		1	01 Đại biểu DTTS

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
34	Đảng bộ xã Hồng Sơn	473	22	451	2		2	1			1	01 Đại biểu Nữ
35	Đảng bộ xã Đạ Huoai 2	483	22	461	2		2	1			1	01 Đại biểu Nữ
36	Đảng bộ xã Quảng Lập	492	20	472	2		2	1			1	01 Đại biểu Nữ DTTS
37	Đảng bộ xã Hải Ninh	495	21	474	2		2	1	1		1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS
38	Đảng bộ xã Năm Nung	498	20	478	2		2	1	1		1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS
39	Đảng bộ xã Phúc Thọ Lâm Hà	503	15	488	2		2				1	
40	Đảng bộ xã Tân Minh	509	26	483	2		2				1	
41	Đảng bộ xã Cát Tiên 3	527	22	505	2		2		1		1	01 Đại biểu DTTS
42	Đảng bộ xã Lạc Dương	528	23	505	2		2		1		1	01 Đại biểu DTTS
43	Đảng bộ xã Tà Hine	528	38	490	2		2		1		1	01 Đại biểu DTTS
44	Đảng bộ xã Nghị Đức	535	17	518	2		2				1	
45	Đảng bộ xã Bắc Ruộng	536	37	499	2		2				1	
46	Đảng bộ xã Đam Rông 2	552	31	521	3	1	2		1		1	01 Đại biểu DTTS

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
47	Đảng bộ xã Trường Xuân	552	8	544	2		2				1	
48	Đảng bộ xã Bảo Lâm 3	556	15	541	2		2		1		1	01 Đại biểu DTTS
49	Đảng bộ xã Trà Tân	560	25	535	2		2				1	
50	Đảng bộ Phường Tiến Thành	561	8	553	3	1	2	1		1	1	01 Đại biểu Nữ trẻ dưới 30 tuổi
51	Đảng bộ xã Đồng Kho	565	39	526	2		2				1	
52	Đảng bộ xã Đạ Tẻh 2	568	27	541	2		2				1	
53	Đảng bộ xã Quảng Khê	569	14	555	3	1	2				1	
54	Đảng bộ xã Lương Sơn	570	39	531	2		2		1		1	01 Đại biểu DTTS
55	Đảng bộ xã Cát Tiên 2	575	25	550	2		2				1	
56	Đảng bộ xã Quảng Tân	581	17	564	2		2				1	
57	Đảng bộ xã Hàm Kiệm	582	15	567	2		2				1	
58	Đảng bộ xã Bảo Thuận	586	20	566	2		2	1	1		1	01 Đại biểu Nữ '01 Đại biểu DTTS
59	Đảng bộ xã Tân Thành	587	34	553	3	1	2	1			1	01 Đại biểu Nữ

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
60	Đảng bộ xã Thuận Hạnh	589	22	567	3	1	2		1		1	01 Đại biểu DTTS
61	Đảng bộ xã Hồng Thái	591	32	559	2		2	1			1	01 Đại biểu Nữ
62	Đảng bộ xã D'ran	596	21	575	2		2				1	
63	Đảng bộ xã Tân Hội	601	11	590	2		2		1		1	01 Đại biểu DTTS
64	Đảng bộ xã Bảo Lâm 2	602	0	602	2		2				1	
65	Đảng bộ xã Hàm Thuận Bắc	608	27	581	2		2				1	
66	Đảng bộ xã Phú Sơn Lâm Hà	611	21	590	2		2				1	
67	Đảng bộ xã Nhân Cơ	637	25	612	3	1	2				1	
68	Đảng bộ xã Hòa Ninh	685	22	663	2		2				1	
69	Đảng bộ xã Hàm Liêm	726	21	705	3	1	2	1			1	01 Đại biểu Nữ
70	Đảng bộ xã Nam Đà	746	10	736	2		2	1	1		1	01 Đại biểu Nữ '01 Đại biểu DTTS
71	Đảng bộ xã Đắc Sắk	765	15	750	3		3	1	1		1	01 Đại biểu Nữ '01 Đại biểu DTTS
72	Đảng bộ xã Đắc Mil	773	18	755	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
73	Đảng bộ xã Tuyên Quang	775	17	758	3		3	2		1	1	02 Đại biểu nữ 01 Đại biểu trẻ
74	Đảng bộ xã Hàm Tân	789	31	758	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
75	Đảng bộ Phường Mũi Né	791	37	754	4	1	3	1			1	01 Đại biểu nữ
76	Đảng bộ xã Dạ Huoi	793	25	768	4	1	3	1		1	1	01 Đại biểu nữ 01 Đại biểu trẻ
77	Đảng bộ xã Đắc Wil	805	19	786	4	1	3	1	1		1	01 Đại biểu Nữ 01 Đại biểu DTTS
78	Đảng bộ Phường Xuân Trường - Đà Lạt	806	73	733	2		2	1			1	01 Đại biểu nữ
79	Đảng bộ xã Cát Tiên	835	25	810	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
80	Đảng bộ Phường Nam Gia Nghĩa	837	15	822	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
81	Đảng bộ Phường 3 Bảo Lộc	859	40	819	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
82	Đảng bộ xã Nam Thành	866	48	818	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
83	Đảng bộ xã Quảng Tín	868	17	851	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
84	Đảng bộ xã Nam Ban Lâm Hà	888	26	862	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
85	Đảng bộ xã Tuy Đức	888	30	858	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
86	Đảng bộ xã Krông Nô	889	31	858	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
87	Đảng bộ Phường Đông Gia Nghĩa	905	27	878	4	1	3	1			1	01 Đại biểu nữ
88	Đảng bộ xã Tân Hà Lâm Hà	921	29	892	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
89	Đảng bộ xã Nam Dong	921	22	899	3		3		1		1	01 Đại biểu DTTS
90	Đảng bộ xã Đức An	925	36	889	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
91	Đảng bộ xã Thuận An	942	10	932	3		3	1			1	01 Đại biểu nữ
92	Đảng bộ xã Hàm Thuận Nam	948	30	918	4	1	3	1			1	01 Đại biểu nữ
93	Đảng bộ Phường Lang Biang - Đà Lạt	1,063	24	1,039	4	1	3		1	1	1	01 Đại biểu trẻ dưới 30 tuổi 01 Đại biểu DTTS
94	Đảng bộ xã Hiệp Thạnh	1,063	45	1,018	3		3	1	1		1	01 Đại biểu nữ 01 Đại biểu DTTS
95	Đảng bộ xã Hoài Đức	1,098	19	1,079	4		4	1		1	1	01 Đại biểu nữ 01 Đại biểu trẻ
96	Đảng bộ Phường Phước Hội	1,141	48	1,093	4		4	1		1	1	01 Đại biểu nữ 01 Đại biểu trẻ
97	Đảng bộ xã Đơn Dương	1,172	30	1,142	4		4	1		1	1	01 Đại biểu nữ 01 Đại biểu trẻ
98	Đảng bộ xã Bảo Lâm 1	1,206	48	1,158	4		4	1		1	1	01 Đại biểu nữ 01 Đại biểu trẻ

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
99	Đảng bộ Đặc khu Phú Quý	1,222	45	1,177	5	1	4	1		1	1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
100	Đảng bộ xã Phan Rí Cửa	1,230	96	1,134	4		4	1		1	1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
101	Đảng bộ Phường Bắc Gia Nghĩa	1,239	29	1,210	5	1	4	1		1	1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
102	Đảng bộ Phường Bình Thuận	1,271	53	1,218	5	1	4	1		1	1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
103	Đảng bộ xã Kiến Đức	1,356	39	1,317	4		4	1		1	1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
104	Đảng bộ Phường 1 Bảo Lộc	1,362	23	1,339	4		4	1	1	1	1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
105	Đảng bộ xã Hàm Thuận	1,388	45	1,343	5	1	4	2	1	1	2	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
106	Đảng bộ Phường Cam Ly - Đà Lạt	1,404	35	1,369	5		5	2	1	1	2	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
107	Đảng bộ xã Đức Lập	1,409	22	1,387	5	1	4	1		1	1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
108	Đảng bộ xã Cư Jút	1,411	11	1,400	5		5	2		1	2	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
109	Đảng bộ Phường B'Lao	1,419	44	1,375	6	1	5	1	1	1	2	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
110	Đảng bộ xã Đinh Văn Lâm Hà	1,425	41	1,384	5		5	1	1	0	2	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
111	Đảng bộ xã Bắc Bình	1,449	80	1,369	5	1	4	2	1	1	1	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
112	Đảng bộ xã Tân Linh	1,469	62	1,407	4		4	1	1	1	1	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
113	Đảng bộ xã Đa Tề	1,508	52	1,456	5		5	1	1	1	2	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
114	Đảng bộ xã Đức Linh	1,591	80	1,511	5		5	1	1	1	2	01 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
115	Đảng bộ Phường La Gi	1,636	189	1,447	5		5	2		1	2	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
116	Đảng bộ Phường Hàm Thắng	1,689	40	1,649	5		5	2		1	2	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
117	Đảng bộ xã Liên Hương	1,795	105	1,690	6	1	5	2		1	2	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
118	Đảng bộ xã Di Linh	1,806	55	1,751	7	1	6	2	2	1	2	02 Đại biểu nữ. 02 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
119	Đảng bộ Phường 2 Bảo Lộc	1,818	41	1,777	6		6	2		1	2	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu trẻ
120	Đảng bộ xã Đức Trọng	1,998	84	1,914	6		6	2	1	1	2	02 Đại biểu nữ. 01 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
121	Đảng bộ Phường Phú Thủy	2,342	96	2,246	8	1	7	2		2	2	02 Đại biểu nữ. 02 Đại biểu trẻ
122	Đảng bộ Phường Lâm Viên - Đà Lạt	2,431	42	2,389	8		8	2		2	2	02 Đại biểu nữ. 02 Đại biểu trẻ
123	Đảng bộ Phường Phan Thiết	2,690	41	2,649	10	1	9	2		2	2	02 Đại biểu nữ. 02 Đại biểu trẻ
124	Đảng bộ Phường Xuân Hương - Đà Lạt	3,671	165	3,506	12	1	11	3		2	3	03 Đại biểu nữ. 02 Đại biểu trẻ

STT	Tên Đảng bộ	Tổng số đảng viên	Trong đó		Tổng số Đại biểu	Trong đó		Cơ cấu			Đại biểu dự khuyết	Định hướng cơ cấu
			Số lượng đảng viên dự bị	Số lượng đảng viên chính thức		Đại biểu đương nhiên	Đại biểu được Phân bổ	Nữ	Dân tộc	Trẻ		
125	Đảng bộ Quân sự tỉnh	3,161	20	3,141	11	1	10	1	4	1	3	01 Đại biểu nữ. 04 Đại biểu DTTS 01 Đại biểu trẻ
126	Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh	2,341	33	2,308	50	41	9	2	4	5	3	02 Đại biểu nữ. 04 Đại biểu DTTS 05 Đại biểu trẻ 02 Đại biểu giới khoa học
127	Đảng bộ Công an tỉnh	3,841	48	3,793	14	2	12	2	3	2	3	02 Đại biểu nữ. 03 Đại biểu DTTS 02 Đại biểu trẻ
128	Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh	12,970	408	12,562	65	23	42	9	5	5	3	09 Đại biểu nữ. 05 Đại biểu DTTS 05 Đại biểu trẻ 02 Đại biểu giới khoa học, 01 y tế, 01 giáo dục,.....
TỔNG CỘNG		124,855	4,343	120,512	500	94	406	90	48	50	154	90 Đại biểu nữ (chưa tính ĐB đương nhiên 13 đ/c) 48 Đại biểu DTTS (chưa tính ĐB đương nhiên 08 đ/c) 50 Đại biểu trẻ (chưa tính ĐB đương nhiên 02 đ/c)

(1) BCH (đương nhiệm) 94 đ/c (29 đ/c là Bí thư xã), trong đó Nữ: 13 đ/c, DTTS: 8 đ/c, Trẻ (dưới 42) 02 đ/c:

(2) Trong số 406 đại biểu chỉ định: Nữ: 90 đ/c (tỷ lệ 22,16%); DTTS: 48 đ/c (tỷ lệ 11,82%); Trẻ (dưới 42 tuổi): 50 đ/c (tỷ lệ 12,31%).

(3) Trong 500 đại biểu: Nữ :103 đ/c (tỷ lệ 20,6%); DTTS: 56 đ/c (tỷ lệ 11,2%); Trẻ (dưới 42 tuổi): 52 đ/c (tỷ lệ 10,4%).